TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **953**/2026/DS-ST
Ngày: 12-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Ẩn, ông Phan Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1232/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 913/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1408/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa:

1/ Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: Số B - B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1983. Theo văn bản uỷ quyền số 4238/2025/UQ-TT.XLN ngày 30 tháng 9 năm 2025 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Bị đơn: Bà **Nguyễn Hương G**, sinh ngày 21/11/1992; CMND số 215294012 cấp ngày 04/10/2019 (vắng mặt);

Nơi cư trú: A C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn; bản tự khai, biên bản hòa giải người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Q trình bày như sau:

Ngày 25/03/2022, bà Nguyễn Hương G có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ VS payWave Cre Platinum Cashback; Số thẻ 436438-0511; Hạn mức 25.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng 25/03/2022; Lãi suất áp dụng 2,482%.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 183.027.580 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng cho mỗi thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Nguyễn Hương G phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà G đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 163.634.121 đồng. Tổng số tiền này được trừ vào phần thanh toán cho các khoản phí, lãi trước, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch. Cụ thể: tổng tiền lãi trong hạn là 7.048.569 đồng; phí trễ hạn là 1.090.706 đồng; phí vượt hạn mức là 223.925 đồng; Phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt...) là 1.598.000 đồng và giao dịch là 183.027.580 đồng. Sau khi trừ thì dư nợ còn thiếu khi chuyển quá hạn là 29.354.659 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà G vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà G vi pham nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/03/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 29.354.659 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà Nguyễn Hương G vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà G trả số tiền còn nợ tính đến ngày18/8/2025 là 48.698.458 đồng (trong đó: nợ gốc là 29.354.659 đồng và lãi quá hạn là 19.343.799 đồng).

Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Nguyễn Hoàng Q vắng mặt nhưng có bản tự khai gửi Tòa án trình bày: Sau khi nguyên đơn khởi kiện đến nay phía bên vay tiền vẫn không trả số tiền vay, lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại đơn khởi kiện và yêu cầu bà Nguyễn Hương G trả tiền vốn vay, lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng tính đến ngày 12/5/2026 với tổng số tiền là 58.425.001 (năm

mươi tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn không trăm lẻ một) đồng. Trong đó, nợ gốc là 29.354.659 (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng và nợ lãi quá hạn là 29.070.342 (hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng. Ngoài ra, yêu cầu bà Nguyễn Hương G có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn bà Nguyễn Hương G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp tài liệu chứng cứ khác.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về chấp hành pháp luật của đương sự, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá tài liệu chứng cứ, trình bày của đương sự tại phiên toà, và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Về án phí: đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là cá nhân không đăng ký kinh doanh, vay tiền sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có nơi cư trú tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do giao dịch xác lập vào thời điểm Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Nguyễn Hương G tranh chấp về hợp đồng tín dụng vay tiền tiêu dùng cá nhân. Thông báo thụ lý vụ án xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện đã được Tòa án tống đạt cho bị đơn nhưng đến hết thời hạn được thông báo bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ.

[2.2] Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó có căn cứ hợp pháp. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Từ những căn cứ trên, xét thấy bị đơn bà Nguyễn Hương G không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu thu thập được để xét xử vụ án là phù hợp pháp luật.

[2.3] Căn cứ tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại Tòa án thì đủ căn cứ xác định ngày 25/3/2022, bà Nguyễn Hương G có ký Hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục kèm theo) vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà G đã nhiều lần thực hiện các giao dịch và đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay được thoả thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay tiền nên 06/3/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn với tổng số tiền là 29.354.659 (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng. Bên cho vay (ngân hàng) đã thông báo chuyển nợ quá hạn và yêu cầu bên vay trả tiền vay, lãi vay còn nợ nhưng đến nay bên vay tiền là bà Nguyễn Hương G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, có căn cứ xác định bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy bà Nguyễn Hương G đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi nên bên cho vay là Ngân hàng

chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu bà G trả toàn bộ số tiền vốn, lãi vay còn nợ của Hợp đồng tín dụng ngày 25/3/2022 (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục kèm theo) tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 12/5/2026) với tổng số tiền là 58.425.001 (năm mươi tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn không trăm lẻ một) đồng. Trong đó, nợ gốc là 29.354.659 (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng và nợ lãi quá hạn là 29.070.342 (hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng là có căn cứ phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc buộc bà Nguyễn Hương G trả tiền vay, lãi vay của Hợp đồng tín dụng ngày 25/3/2022 (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục kèm theo).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc đòi bà Nguyễn Hương G trả tiền vốn vay và tiền lãi.

Buộc bà Nguyễn Hương G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền vốn và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng ngày 25/3/2022 (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục kèm theo) tính đến ngày 12/5/2026 với tổng số tiền là 58.425.001 (năm mươi tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn không trăm lẻ một) đồng. Trong đó, nợ gốc là 29.354.659 (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng và nợ lãi quá hạn là 29.070.342 (hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng.

Kể từ ngày 13/5/2026, bà Nguyễn Hương G tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 25/3/2022 (Giấy

đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục kèm theo), lãi được tính trên số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hoàn tất số nợ.

2/ Về án phí: bà Nguyễn Hương G phải nộp 2.921.250 (hai triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.217.462 (một triệu hai trăm mười bảy nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp theo biên lai thu số 0033168 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 10 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

2 000021 298200

Nguyễn Thế Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Dũng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…… giờ ….. phút ngày 12/5/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Ẩn, ông Phan Hoàng Nam

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 1232/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Quân, sinh năm 1983. Theo văn bản uỷ quyền số 4238/2025/UQ-TT.XLN ngày 30 tháng 9 năm 2025 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Hương Giang, sinh ngày 21/11/1992; CMND số 215294012 cấp ngày 04/10/2019 (vắng mặt);

Nơi cư trú: 182 Cao Lỗ, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín về việc đòi bà Nguyễn Hương Giang trả tiền vốn vay và tiền lãi.

Buộc bà Nguyễn Hương Giang có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín tiền vốn và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng ngày 25/3/2022 (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục kèm theo) tính đến ngày 12/5/2026 với tổng số tiền là 58.425.001 (năm mươi tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn không trăm lẻ một) đồng. Trong đó, nợ gốc là 29.354.659 (hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng và nợ lãi quá hạn là 29.070.342 (hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng.

Kể từ ngày 13/5/2026, bà Nguyễn Hương Giang tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 25/3/2022 (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục kèm theo), lãi được tính trên số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hoàn tất số nợ.

2/ Về án phí: bà Nguyễn Hương Giang phải nộp 2.921.250 (hai triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí 1.217.462 (một triệu hai trăm mười bảy nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã nộp theo biên lai thu số 0033168 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi …… giờ…… phút, ngày 12 tháng 5 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Dũng